

Số: 12/2026/QĐST-HNGĐ

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 246/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1992; nơi ĐKTT: Tổ dân phố Đ, phường H, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B Phố mới, xã L, Thành phố Hà Nội;

- Bị đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, phường H, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N có 02 con chung là cháu Phạm Phương T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2015; cháu Phạm Minh T2, sinh ngày 05 tháng 4 năm 2017. Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N thống nhất giao 02 con

chung cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: **Chị Lê Thị T** nhận nộp 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí **chị Lê Thị T** đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số **0008364 ngày 19 tháng 12 năm 2025** tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Hoàn trả **chị Lê Thị T** số tiền chênh lệch là 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng. **Chị Lê Thị T** đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND KV6-HP;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- UBND **phường Hưng Đạo, Hải Phòng**
(ĐKKH số **38/2014 ngày 29/8/2014**
tại UBND phường Đa Phúc, DK, HP);
- THADS TP. Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Dung